

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS-ST
Ngày: 12-4- 2022
“ V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 370/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1949.

Cư trú tại: Khóm 9, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980. Cư trú tại: Khóm 4, phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2021- có mặt).

Bị đơn:

1/ Ông Trương Hoàng A, sinh năm 1972;

2/ Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1971

Cùng cư trú: Đường K, khóm 9, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Hồ Vũ P trình bày:

Vào cuối tháng 11/2017 (dương lịch) do ông Trương Hoàng A và vợ là Trần Thị Ngọc D là chỗ quen biết nên có đến gặp bà Đào Thị Đ đặt vấn đề vay số tiền 70.000.000 đồng. Đến ngày 27/12/2017 bà Đ đưa cho vợ chồng ông A bà D số tiền là 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn là 03 năm. Khi vay để làm tin ông A và bà D có làm tờ cổ nhà đất, thuộc đất bảo lưu ven sông, đường K, khóm 9, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau, hợp đồng có chữ ký của ông A, bà D. Thực chất nhà đất ông A, bà Dung vẫn quản lý, sử dụng, chỉ có giao

giấy tờ đất cho phía bà Đ làm tin. Từ khi vay tiền đến ngày 27/01/2018 phía ông A, bà D có đóng lãi 01 tháng với số tiền là 3.500.000 đồng, sau đó không thực hiện. Bà Đ đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông A, bà D trả tiền nhưng mà không thực hiện. Nên nay bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông A, bà D phải thanh toán cho bà số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/01/2018 đến ngày 27/3/2022 là 50 tháng với lãi suất 1,65%/tháng bằng số tiền 57.750.000 đồng, đối trừ số tiền ông A bà D đã đóng lãi 3.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 54.250.000 đồng. Tổng số tiền bà Đ yêu cầu ông A, bà D thanh toán là 124.250.000 đồng, bà Đ sẽ trả lại giấy tờ thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà đất thuộc đất bảo lưu ven sông giao bản chính cho ông A, bà D.

Đối với bị đơn ông Trương Hoàng A và bà Trần Thị Ngọc D Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp, kiểm tra chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Hoàng A và bà Trần Thị Ngọc D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản thông báo mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập xét xử lần thứ 02 nhưng nay tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường 6, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 70.000.000 đồng. Xét thấy, chứng cứ là tờ cổ nhà đất vào ngày 27/12/2017, ghi số tiền 70.000.000 đồng do chính bị đơn viết và ký người nhận tiền ông Trương Hoàng A và bà Trần Thị Ngọc D là chứng cứ duy nhất và là cơ sở pháp lý. Đại diện nguyên đơn xác định hai bên giao kết hợp đồng vay nhưng do để làm tin nên viết thành cổ nhà thực chất nhà đất phía bị đơn vẫn quản lý, sử dụng. Hai bên thỏa thuận chỉ vay tiền, có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Việc cổ nhà thực chất chỉ là giao giấy tờ để làm tin khi vay tiền. Xét thấy việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là thực tế có xảy ra, trong quá trình vay ông Trương Hoàng A và bà Trần Thị Ngọc D không thanh toán tiền gốc, lãi. Nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc là phù hợp với hợp đồng vay đã thỏa thuận, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án phía bị đơn không đến Tòa án cũng không có văn bản gì thể hiện quan điểm của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì những phân tích nêu trên căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi: Trước đây tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất 1,7% tháng nhưng nay tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1,65%/tháng, tính từ 27/01/2018 đến ngày 27/3/2022 là: 70.000.000 đồng x 1,65% x 50 tháng bằng số tiền là 57.750.000 đồng, đối trừ số tiền ông A, bà D đã đóng lãi 3.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 54.250.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, thỏa thuận lãi suất vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự lãi suất các bên thỏa thuận là không quá 20%/năm. Do đó, nay nguyên đơn điều chỉnh chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 1,65% tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn và đã đối trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng nên yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Khi vay tiền, ông A và bà D có giao giấy tờ thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà đất thuộc đất bảo lưu ven sông bản chính cho bà D quản lý. Việc giao giấy tờ trên thực chất là vay tiền và giao giấy tờ có giá trị để làm tin. Đồng thời, hợp đồng này không có công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai cho nên bà D có nghĩa vụ trả giấy tờ thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà đất thuộc đất bảo lưu ven sông cho ông A, bà D khi ông A bà D thanh toán xong số nợ nói trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; các Điều 26, 39, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Hoàng A và bà Trần Thị Ngọc D liên đới thanh toán có cho bà Đào Thị Đ số tiền 124.250.000 đồng (*một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 70.000.000 đồng, tiền lãi 54.250.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đào Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Hoàng A và bà là Trần Thị Ngọc D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Đào Thị Đ có nghĩa vụ trả giấy tờ thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà đất thuộc đất bảo lưu ven sông cho ông An, bà Dung.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Trương Hoàng A và bà là Trần Thị Ngọc D phải chịu số tiền 6.212.500 đồng (chưa nộp). Bà Đào Thị Đ không phải chịu án phí, vào ngày 18/10/2021 bà Đ đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
 (Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

Phạm Kim Cương